

CTY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN

NHÀ ĐẤT COTEC

Báo cáo tài chính

Quý 1 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Quý 1 năm 2016

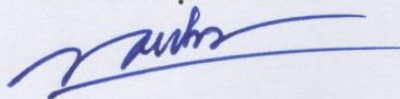
TÀI SẢN	Mã số	SỐ CUỐI KỲ (31/03/2016)	SỐ ĐẦU KỲ (01/01/2016)
1	2	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	400,126,723,110	414,714,942,225
I. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN	110	37,236,212,690	86,786,253,737
1. Tiền	111	37,236,212,690	86,786,253,737
2. Các khoản tương đương tiền	112	-	-
II. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN	120	-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121	-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh(*)	122	-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	-	-
III. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN	130	296,883,973,193	287,160,163,534
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	29,060,665,234	32,108,133,336
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	139,503,354,112	132,905,454,718
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	128,336,329,647	122,162,951,280
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	(16,375,800)	(16,375,800)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	-	-
IV. HÀNG TỒN KHO	140	53,831,111,327	40,513,524,954
1. Hàng tồn kho	141	53,831,111,327	40,513,524,954
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149	-	-
V. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC	150	12,175,425,900	255,000,000
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	153	-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154	-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155	12,175,425,900	255,000,000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200	533,475,433,815	530,741,761,156
I. CÁC KHOẢN PHẢI THU DÀI HẠN	210	-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213	-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214	-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219	-	-



TÀI SẢN	Mã số	SỐ CUỐI KỲ (31/03/2016)	SỐ ĐẦU KỲ (01/01/2015)
1	2	4	5
II. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH	220	92,514,830,618	93,171,333,493
1. Tài sản cố định hữu hình	221	92,514,830,618	93,171,333,493
- Nguyên giá	222	109,189,780,245	109,118,189,336
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	(16,674,949,627)	(15,946,855,843)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	-	-
- Nguyên giá	225	-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226	-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	-	-
- Nguyên giá	228	332,000,000	332,000,000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229	(332,000,000)	(332,000,000)
III. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ	230	-	-
- Nguyên giá	231	-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232	-	-
IV. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN	240		
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		
V. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN	250	430,486,974,152	425,486,974,152
1. Đầu tư vào công ty con	251	59,941,243,000	59,941,243,000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	371,230,109,801	366,230,109,801
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	852,150,000	852,150,000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	(1,538,528,649)	(1,538,528,649)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	2,000,000	2,000,000
V. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC	260	10,473,629,045	12,083,453,511
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10,473,629,045	12,083,453,511
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268	-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270	933,602,156,925	945,456,703,381

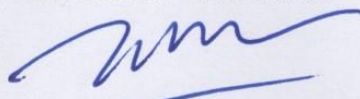
NGUỒN VỐN	Mã số	SỐ CUỐI KỲ (31/03/2016)	SỐ ĐẦU KỲ (01/01/2016)
1	2	4	5
C. NỢ PHẢI TRẢ	300	663,836,137,005	678,773,013,703
I. NỢ NGẮN HẠN	310	466,465,390,806	487,848,408,417
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	89,738,801,754	73,071,672,653
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	103,927,227,915	81,979,392,699
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	39,889,150,480	42,127,245,144
4. Phải trả người lao động	314	2,611,961,318	3,345,097,518
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	36,287,444,669	39,272,660,385
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316	-	-
7. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng	317	-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	122,097,490,276	117,623,350,786
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	68,703,378,618	127,219,053,456
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	3,209,935,776	3,209,935,776
13. Quỹ bình ổn giá	323	-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	324	-	-
II. NỢ DÀI HẠN	330	197,370,746,199	190,924,605,286
1. Phải trả người bán dài hạn	331	-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334	-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335	-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện	336	-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	56,890,991,750	50,154,700,333
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	140,479,754,449	140,769,904,953
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	269,766,019,920	266,683,689,678
I. VỐN CHỦ SỞ HỮU	410	269,766,019,920	266,683,689,678
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	211,500,000,000	211,500,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	411b	-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	(1,602,720,582)	(1,602,720,582)
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413	-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415	-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	7,170,153,849	7,170,153,849
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419	-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	52,698,586,653	49,616,256,411
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	49,616,256,411	39,037,380,105
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	3,082,330,242	10,578,876,306
II. NGUỒN KINH PHÍ VÀ QUỸ KHÁC	430	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440	933,602,156,925	945,456,703,381

NGƯỜI LẬP BIỂU



Trần Thị Hương

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Lê Bá Tiến



TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thế Thảo

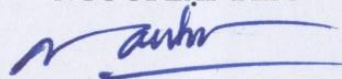
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

QUÝ 1 NĂM 2016

PHẦN I - LÃI, LỖ

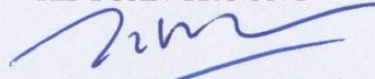
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết Minh	QUÝ 1		LŨY KẾ NĂM	
			NĂM 2016	NĂM 2015	NĂM 2016	NĂM 2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		93,045,440,821	65,586,863,372	93,045,440,821	65,586,863,372
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VII.1	93,045,440,821	65,586,863,372	93,045,440,821	65,586,863,372
4. Giá vốn hàng bán	11	VII.2	80,737,095,512	52,918,147,262	80,737,095,512	52,918,147,262
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		12,308,345,309	12,668,716,110	12,308,345,309	12,668,716,110
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.3	63,024,752	895,015,176	63,024,752	895,015,176
7. Chi phí tài chính	22	VII.4	5,394,418,847	6,239,069,581	5,394,418,847	6,239,069,581
- Trong đó: Lãi vay phải trả	23		5,394,418,847	6,239,069,581	5,311,366,879	6,239,069,581
8. Chi phí bán hàng	24		-	322,154,761	-	322,154,761
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VII.5	2,397,673,947	3,178,874,701	2,397,673,947	3,178,874,701
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4,579,277,267	3,823,632,243	4,579,277,267	3,823,632,243
11. Thu nhập khác	31	VII.6	-	-	-	-
12. Chi phí khác	32	VII.7	726,364,465	1,259,260,338	726,364,465	1,259,260,338
13. Lợi nhuận khác	40		(726,364,465)	(1,259,260,338)	(726,364,465)	(1,259,260,338)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3,852,912,802	2,564,371,905	3,852,912,802	2,564,371,905
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VII.8	770,582,560	-	770,582,560	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	110,588,588	-	110,588,588
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3,082,330,242	2,453,783,317	3,082,330,242	2,453,783,317
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		-	-	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		-	-	-	-

NGƯỜI LẬP BIỂU



Trần Thị Hương

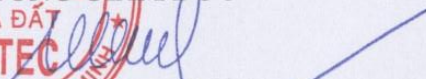
KẾ TOÁN TRƯỞNG



Bà Bá Tiên
Báo cáo tài chính quý 1 năm 2016



TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thế Học

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Quý 1 NĂM 2016

CHỈ TIÊU	Mã số	LŨY KẾ ĐẾN 31/03/2016	LŨY KẾ ĐẾN 31/12/2015
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	3,852,912,802	12,458,533,805
2. Điều chỉnh cho các khoản		-	
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	728,093,784	2,956,852,563
- Các khoản dự phòng	03	-	65,969,834
- Lãi lỗ chênh lệch tỉ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	-
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05	-	(9,886,145,516)
- Chi phí lãi vay	06	5,311,366,879	36,813,232,065
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	9,892,373,465	42,408,442,751
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	76,067,296,841	61,940,187,385
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(13,317,586,373)	31,187,150,736
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(41,135,821,435)	24,101,034,171
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	1,609,824,466	14,804,673,910
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(9,446,058,214)	(63,767,771,020)
- Thuế TNDN đã nộp	15	(5,000,000,000)	(11,191,336,617)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(204,394,959)	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	18,465,633,791	99,482,381,316
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn	21	-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		
		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	500,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(7,000,000,000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		182,730,620,519
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		123,559,068,200
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	(7,000,000,000)	306,789,688,719

CHỈ TIÊU	Mã số	LŨY KẾ ĐẾN	LŨY KẾ ĐẾN
		31/03/2016	31/12/2015
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	26,432,374,092	184,849,883,338
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(87,448,048,930)	(521,646,281,449)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	(61,015,674,838)	(336,796,398,111)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	(49,550,041,047)	69,475,671,924
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60	86,786,253,737	17,310,581,813
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70	37,236,212,690	86,786,253,737

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC


Trần Chi Hương


Lê Bá Tiến




Nguyễn Thế Thành

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý 1 Năm 2016**MẪU B 09a-DN**

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính Quý 1 năm 2016 của Công ty Cổ phần Đầu Tư và Phát Triển Nhà Đất Cotec (gọi tắt là “Công ty”).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Xây dựng, đầu tư bất động sản
3. **Ngành, nghề kinh doanh**

Mua bán hàng thủ công mỹ nghệ. Kinh doanh khách sạn, khu nghỉ dưỡng (không kinh doanh tại trụ sở). Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp. Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp. Quản lý dự án các công trình dân dụng và công nghiệp, các công trình hạ tầng khu đô thị và công nghiệp. Kinh doanh bất động sản. Đầu tư kinh doanh nhà. Môi giới, tư vấn bất động sản. Dịch vụ định giá bất động sản. Sản giao dịch bất động sản. Mua bán vật tư, máy móc, thiết bị, phụ tùng thay thế, dây chuyền công nghệ ngành xây dựng, vật liệu xây dựng. Sản xuất kết cấu thép tiền chế (không sản xuất tại trụ sở). Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa. Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính). Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận. Xây dựng, lắp đặt, sửa chữa các công trình dân dụng, công nghiệp, công trình kỹ thuật hạ tầng khu đô thị và khu công nghiệp (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở). Thi công xây dựng các công trình cấp thoát nước và xử lý môi trường, đường dây, trạm biến áp, thi công, gia công lắp đặt hệ thống cơ điện lạnh, thiết bị công nghiệp, các công trình giao thông (đường bộ và đường thủy), công trình thủy lợi (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện và không gia công tại trụ sở). Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại. Quảng cáo.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty hiện nay là thi công xây dựng các dự án trong Cotec Group.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

Công ty hoạt động kinh doanh chủ yếu trong lĩnh vực thi công thi công xây dựng các dự án trong Cotec Group, chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

- Danh sách các công ty con

Công ty CP ĐT & SX Cotec Sài Gòn

Công ty CP Tư Vấn & Đầu Tư Cotec

- Danh sách các công ty liên doanh, liên kết

Công ty CP ĐT và PT Nhà đất Cotec Miền Bắc

Công ty Cotec Healthcare

Công ty CP Du lịch & Đầu tư Châu Á

Công ty CP Hằng Hà

- Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 03 năm 2016 là 90 người (vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 90 người).

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Kỳ kế toán năm**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính riêng quý 1 năm 2016 thuộc kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31 tháng 03 năm 2016, đây là kỳ kế toán thứ 12 của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo

2. Áp dụng hướng dẫn Chế độ kế toán mới và thay đổi chính sách kế

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015 trở đi. Thông tư thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng 9 tháng đầu năm 2015.

3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

4. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng:

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt

3. Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu****Tài sản tài chính**

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính riêng bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền, phải thu ngắn hạn của khách hàng, phải thu ngắn hạn khác, phải thu về cho vay dài hạn, đầu tư góp vốn vào đơn vị khác và đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán ngắn hạn, chi phí phải trả ngắn hạn, phải trả ngắn hạn và dài hạn khác và vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn và dài hạn.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo

5. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác sau khi cần trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản Phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, như: Phải thu tiền thi công xây dựng, Phải thu tiền cho thuê văn phòng và Phải thu của khách hàng hàng khác

- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, như: Phải thu chi hộ, phải thu lãi cho vay; lãi chậm trả, tạm ứng nhân viên; các ký quỹ, ký cược và các khoản phải thu khác

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày lập Báo cáo. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước chủ yếu là chi phí quảng cáo cho dự án Blue Sapphire Resort và chi phí công cụ, dụng cụ sử dụng cho các công trình.

Các chi phí trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân ánh vào "chi phí trả trước ngắn hạn"; ngược lại, các chi phí trả trước có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân ánh vào "chi phí trả trước dài hạn".

Các chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này như sau:

- Chi phí quảng cáo cho dự án Blue Sapphire Resort bao gồm các chi phí hội nghị, tổ chức lễ công bố dự án, thiết kế, in catalogue, brochure... liên quan đến dự án. Chi phí phục vụ cho dự án được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 2 năm.

- Chi phí công cụ, dụng cụ sử dụng cho các công trình được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian từ 2 đến 4 năm.

8. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	46
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 7
Tài sản cố định khác	10 - 24

9. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm kế toán và nhãn hiệu hàng hóa. Hiện tại, các tài sản cố định vô hình của Công ty đã khấu hao hết giá trị.

10. Đầu tư tài chính

Đầu tư tài chính phản ánh các khoản cho vay, các đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác và khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

- Các khoản cho vay phản ánh tình hình tăng, giảm và số hiện có của các khoản cho vay theo kế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán. Tùy theo từng hợp đồng, các khoản cho vay theo kế ước có thể được thu hồi một lần tại thời điểm đáo hạn hoặc thu hồi dần từng kỳ.

- Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm chi phí mua cộng các chi phí mua có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ.

- Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư vào vốn chủ sở hữu của đơn vị khác nhưng Công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá phí các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc, bao gồm giá mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư.

- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (trừ các khoản tiền gửi kỳ hạn có kỳ hạn không quá 3 tháng được trình bày ở chỉ tiêu "Các khoản tương đương tiền"), trái phiếu, thương phiếu và các loại chứng khoán nợ khác.

11. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, Công ty tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

12. Vốn chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận thuần

Cơ cấu vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.
- Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Phân phối lợi nhuận thuần

- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật Việt Nam.
- Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận thuần sau thuế THU nhập doanh nghiệp của Công ty theo Đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại Hội đồng cổ đông thường niên.
 - Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
 - Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và các hoạt động xã hội

13. Doanh thu**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về Hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay.

Doanh thu tài chính được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

14. Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

16. Nguyên tắc ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ.

17. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

I. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Đơn vị tính: VND	
	Số dư 31/03/2016	Số dư 01/01/2016
Tiền mặt	353,272,043	253,998,824
Tiền mặt VND	353,272,043	253,998,824
Tiền gửi ngân hàng	36,882,940,647	86,532,254,913
Cộng	37,236,212,690	86,786,253,737

(*) Như trình bày tại Thuyết minh số V.17, toàn bộ số dư tiền gửi ngân hàng của Công ty đã được đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn và Chi nhánh Thành Đô.

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số dư 31/03/2016	Số dư 01/01/2016
Công ty CP Đầu Tư & Sản Xuất Cotec Sài Gòn (*)	2,919,785,175	2,919,785,175
Công ty CP Du Lịch & Đầu Tư XD Châu Á (*)	-	-
CTY CP Kỹ Thuật Xây dựng Anpha (*)	802,439,621	802,439,621
Cty CP Tư Vấn Và Đầu Tư Cotec (CIC) (*)	1,071,526,000	974,002,000
Công ty CP BV Đa Khoa Đồng Nai (*)	12,828,502,790	17,611,987,388
Công ty Cotec Health Care (*)	1,577,812,496	-
Công ty Kỹ Thuật Phú Lộc	1,012,579,659	-
Công ty CP Thông Tin Tập Trung Mặt Trời Vàng	12,525,000	-
Nguyễn Trọng Thành	265,023,000	-
Vũ Việt Hùng	224,268,000	-
Đào Đức Nghĩa (*)	1,444,880,000	1,444,880,000
Dự án Phú Xuân	1,157,578,519	1,163,451,019
Dự án Gia phú	-	5,674,455,601
Các khách hàng khác	5,743,744,974	1,517,132,532
Cộng	29,060,665,234	32,108,133,336

(*) Phải thu ngắn hạn của khách hàng là các bên liên quan

20,644,946,082

23,753,094,184

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số dư 31/03/2016	Số dư 01/01/2016
Công ty CP KTXD & VLXD Cotec (*)	22,714,159,248	22,714,159,248
Cty CP Đầu Tư & Sản Xuất Cotec Sài Gòn (*)	12,957,164,914	9,772,436,971
Công ty CP Tư Vấn Và Đầu Tư Cotec (*)	-	134,837,000
Cty CP KTXD Anpha (*)	31,236,188,091	31,236,188,091
Cty TNHH Công Nghệ Vĩnh Thanh	-	8,720,649,595
Cty TNHH Đầu Tư & Phát Triển Mỹ Văn	-	7,375,225,760
Công ty TNHH Kỹ Thuật Phú Lộc	2,537,624,650	-
CTY TNHH XD - TM Triệu Long Giang	1,299,725,915	-
Công ty CP Xây Dựng Econ	11,352,897,933	15,414,338,731
Công ty CP Kỹ Thuật Cơ Điện Lạnh Per8	824,002,544	-
Công ty CP Kỹ Thuật Công trình Việt Nam	30,030,931,786	10,730,049,470
Công ty CP TM Kỹ Thuật Việt Nam	8,160,342,500	7,108,947,400
Công ty CP Xây Dựng An Toàn Hà Nội	3,512,705,000	-
Công ty CP ĐT PT TM Phương Nam	1,000,000,000	-
Công ty TNHH XD Điều Khắc Trang Trí Lạc Hồng	3,334,798,528	-
Các nhà cung cấp khác	10,542,813,003	19,698,622,452
Cộng	139,503,354,112	132,905,454,718

(*) Trả trước cho người bán ngắn hạn là các bên liên quan

66,907,512,253

63,857,621,310

4. Phải thu ngắn hạn khác

	Số dư 31/03/2016		Số dư 01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Phải thu ngắn hạn	128,336,329,647		122,162,951,280	
Cty CP Hằng Hà (*)	2,884,741,360	-	2,884,741,360	-

Công ty Cotec Health Care (*)	768,129,000	-	-
Công ty CP Đầu Tư & Sản Xuất Cotec Sài Gòn (*)	1,062,315,800	-	872,355,800
Công ty CP Du Lịch & Đầu Tư XD Châu Á (*)	2,212,021,792	-	2,212,021,792
Công ty CP KTXD Anpha (*)	25,473,023,231	-	25,633,023,231
Công ty CP Tư Vấn Và Đầu Tư Cotec (CIC) (*)	237,676,000	-	237,676,000
Công ty TNHH Kim Huỳnh (*)	50,195,496	-	118,684,181
Công ty CP KTXD & VLXD Cotec (*)	66,190,476,252	-	66,190,476,252
Cty CP DV Tổng Hợp Bình Minh-CN Đồng Nai.	120,000,000	-	120,000,000
TKTG - Cotecland tại PVC	-	-	5,908,855
Công ty TNHH Thanh Loan	2,656,310,044	-	2,656,310,044
Dự án Khu dân cư Phú Xuân	7,932,822,189	-	7,932,822,189
Tạm ứng nhân viên	15,514,702,903	-	12,408,337,555
Trong đó:			
Ông Đào Đức Nghĩa (*)	150,000,000		150,000,000
Ông Nguyễn Thế Thanh (*)	1,595,774,716		1,154,774,716
Ông Đỗ Đăng Nguyễn (*)	-		-
Ông Phan Văn Ngoan (*)	42,872,000		42,872,000
Ông Đào Đức Cường (*)	2,517,391,856		2,517,391,856
Ông Phan Văn Tín (*)	697,564,931		681,964,931
Bà Nguyễn Thị Hồng Vân (*)	82,004,375		82,004,375
Các khoản tạm ứng khác	10,429,095,025		7,779,329,677
Các khoản ký cược, ký quỹ ngắn hạn	168,465,765	-	168,465,765
Thuế GTGT chưa khai thuế	-	-	6,953,705
Các khoản phải thu khác	3,065,449,815		654,267,051
b) Phải thu dài hạn khác	12,175,425,900		255,000,000
Ký quỹ thuê văn phòng	12,175,425,900	-	255,000,000
Cộng	152,687,181,447	-	122,417,951,280
(*) Phải thu ngắn hạn khác là các bên liên quan	37,573,515,061		102,838,893,994

5. Nợ xấu

	Số dư 31/03/2016			Số dư 01/01/2016		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
Trả trước cho người bán ngắn hạn						
Công ty TNHH TM & DV MVN	23,394,000	7,018,200	(16,375,800)	23,394,000	7,018,200	(16,375,800)
Cộng	23,394,000	7,018,200	(16,375,800)	23,394,000	7,018,200	(16,375,800)

6. Hàng tồn kho

	Số dư 31/03/2016	Số dư 01/01/2016
Chi phí sản xuất dở dang	53,831,111,327	40,513,524,954
Cộng	53,831,111,327	40,513,524,954
<i>Chi tiết chi phí thi công xây dựng các công trình sau:</i>		
Công trình bệnh viện Đồng Nai	25,506,937,172	19,381,664,089
Công trình Blue Sapphire Resort Vũng Tàu	20,633,235,411	3,634,381,681
Công trình Blue Sapphire Resort Long Hải	772,727,273	772,727,273
Công trình Bệnh viện Phụ Sản Đức Giang Hà Nội	815,090,035	10,254,938,767
Công trình Bệnh viện Bình Định	34,360,636	2,088,602,158
Các công trình khác	6,068,760,800	4,381,210,986
Cộng	53,831,111,327	40,513,524,954

7. Chi phí trả trước

	Số dư 31/03/2016	Số dư 01/01/2016
a) Chi phí trả trước ngắn hạn	-	-
Chi phí hội nghị, quảng cáo	-	-
Công cụ, dụng cụ	-	-

b) Chi phí trả trước dài hạn	10,473,629,045	12,083,453,511
Chi phí quảng cáo cho dự án Blue Sapphire Resort	-	-
Đồ dùng văn phòng	1,167,392,880	159,848,488
Công cụ, dụng cụ dùng cho D/A BV Đồng Nai	2,737,548,581	6,096,442,933
Công cụ, dụng cụ dùng cho D/A Blue Sapphire Resort	-	-
Công cụ, dụng cụ dùng cho D/A BV Đức Giang	6,526,187,584	5,827,162,090
Công cụ, dụng cụ dùng cho D/A BV Bình Định	42,500,000	
Cộng	10,473,629,045	12,083,453,511

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ & PHÁT TRIỂN NHÀ ĐẤT COTEC

14 Nguyễn Trường Tộ, P.12, Q.4, Tp.Hồ Chí Minh

*Báo cáo tài chính**Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2016***8. Tài sản cố định hữu hình**

Tình hình tăng, giảm tài sản trong kỳ như sau:

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng TSCĐ hữu hình
I. Nguyên giá					
1. Số dư 01/01/2016	100,000,000,000	1,080,189,977	729,878,450	7,308,120,909	109,118,189,336
2. Tăng trong năm			71,590,909		71,590,909
3. Giảm trong năm					-
4. Số dư 31/03/2016	100,000,000,000	1,080,189,977	801,469,359	7,308,120,909	109,189,780,245
II. Giá trị khấu hao					
1. Số dư 01/01/2016	12,499,999,976	958,356,647	729,878,450	1,758,620,770	15,946,855,843
2. Tăng trong năm	-	-	-	-	-
<i>Khấu hao trong kỳ</i>	543,478,260	4,250,001	-	180,365,523	728,093,784
3. Giảm trong năm					-
4. Số dư 31/03/2016	13,043,478,236	962,606,648	729,878,450	1,938,986,293	16,674,949,627
III. Giá trị còn lại					
1. Số dư 01/01/2016	87,500,000,024	121,833,330	-	5,549,500,139	93,171,333,493
2. Số dư 31/03/2016	86,956,521,764	117,583,329	71,590,909	5,369,134,616	92,514,830,618
Nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:					
1. Số dư 01/01/2016	-	910,189,977	729,878,450	-	1,640,068,427
2. Số dư 31/03/2016	-	910,189,977	729,878,450	-	1,640,068,427

Như trình bày tại Thuyết minh số V.17, Công ty đã thế chấp Tòa nhà cao ốc tại số 14 đường Nguyễn Trường Tộ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh với giá trị còn lại là 87.500.000.020VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 87.500.000.020VND) để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển - Chi nhánh Sài Gòn.

9. Tài sản cố định vô hình

Tình hình tăng, giảm tài sản trong kỳ như sau:

	Nhãn hiệu hàng hóa	Nhãn hiệu hàng hóa	Cộng TSCĐ vô hình
I. Nguyên giá			
1. Số dư 01/01/2016	32,000,000	300,000,000	332,000,000
2. Tăng trong năm	-	-	-
3. Giảm trong năm	-	-	-
4. Số dư 31/03/2016	32,000,000	300,000,000	332,000,000
II. Hao mòn lũy kế			
1. Số dư 01/01/2016	32,000,000	300,000,000	332,000,000
2. Tăng trong năm	-	-	-
3. Giảm trong năm	-	-	-
4. Số dư 31/03/2016	32,000,000	300,000,000	332,000,000
III. Giá trị còn lại			
1. Số dư 01/01/2016	-	-	-
2. Số dư 31/03/2016	-	-	-
Nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:			
1. Số dư 01/01/2016	32.000.000	300.000.000	332.000.000
2. Số dư 31/03/2016	32.000.000	300.000.000	332.000.000

10. Các khoản đầu tư tài chính

	31/03/2016			01/01/2016		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
a) Đầu tư vào công ty con	59,941,243,000	(1,538,528,649)	60,026,205,886	59,941,243,000	(1,538,528,649)	60,026,205,886
Công ty CP Đầu Tư & SX Cotec Sài Gòn	43,227,633,000	-	44,851,124,535	43,227,633,000	-	44,851,124,535
Công ty CP Tư Vấn & Đầu Tư Cotec	16,713,610,000	(1,538,528,649)	15,175,081,351	16,713,610,000	(1,538,528,649)	15,175,081,351
b) Đầu tư vào công ty liên kết	371,230,109,801	-	316,458,917,769	366,230,109,801	-	316,458,917,769
Công ty CP Hằng Hà (ii)	70,625,000,000	-	44,878,355,085	65,625,000,000	-	44,878,355,085
Công ty CP ĐTVà PT Nhà đất Cotec Miền Bắc	2,000,000,000	-	1,974,358,943	2,000,000,000	-	1,974,358,943
Công ty Cotec Healthcare (iii)	194,400,000,000	-	194,499,383,335	194,400,000,000	-	194,499,383,335
Công ty CP Du lịch & Đầu tư Châu Á (iv)	104,205,109,801	-	75,106,820,406	104,205,109,801	-	75,106,820,406
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	852,150,000	-	852,150,000	852,150,000	-	852,150,000
Đầu tư mua cổ phiếu	852,150,000	-	852,150,000	852,150,000	-	852,150,000
d) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2,000,000	-	2,000,000	2,000,000	-	2,000,000
Đầu tư mua trái phiếu	2,000,000	-	2,000,000	2,000,000	-	2,000,000
Cộng	432,025,502,801	(1,538,528,649)	377,339,273,655	427,025,502,801	(1,538,528,649)	377,339,273,655

a) Đầu tư vào công ty con

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư vào Công ty con như sau:

Tên Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Ngành, nghề kinh doanh chủ yếu	31/03/2016		01/01/2016	
			Tỷ lệ phần sở hữu	Giá gốc	Tỷ lệ phần sở hữu	Giá gốc
Công ty CP Hằng Hà (ii)	238 - 240 Nghi Tàm, Phường Yên Phụ, Q.Tây Hồ, Tp. Hà Nội	Hoạt động của bệnh viện, chăm sóc sức khỏe	-	-	-	-
Công ty CP ĐT & SX Cotec Sài Gòn	14 Nguyễn Trường Tộ, Phường 12, Quận 4, Tp.HCM	Hoạt động sản xuất gỗ	72.60%	43,227,633,000	72.60%	43,227,633,000
Công ty CP Tư Vấn & Đầu Tư Cotec (i)	14 Nguyễn Trường Tộ, Phường 12, Quận 4, Tp.HCM	Hoạt động về thiết kế công trình xây dựng	97.63%	16,713,610,000	97.63%	16,713,610,000
Cộng				59,941,243,000		59,941,243,000

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư vào Công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2016 như sau:

Tên Công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Ngành, nghề kinh doanh chủ yếu	31/03/2016		01/01/2016	
			Tỷ lệ phần sở hữu	Giá gốc	Tỷ lệ phần sở hữu	Giá gốc
Công ty CP Hằng Hà	238 - 240 Nghi Tàm, Phường Yên Phụ, Q.Tây Hồ, Tp. Hà Nội	Hoạt động của bệnh viện, chăm sóc sức khỏe	44.00%	70,625,000,000	-	65,625,000,000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Nhà đất Cotec Miền Bắc	Số 29, Nhà N7B, Khu Đô Thị Trung Hoà, P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân Tp. Hà Nội	Đầu tư bất động sản và xây dựng	32.92%	2,000,000,000	33.33%	2,000,000,000
Công ty CP Đầu tư Cotec Healthcare	14 Nguyễn Trường Tộ, Phường 12, Quận 4, Tp.HCM	Hoạt động của bệnh viện, chăm sóc sức khỏe	40.00%	194,400,000,000	40.00%	194,400,000,000
Công ty CP Du lịch và Đầu tư Châu Á	21-H3 Tôn Thất Tùng, p7, Tp. Vũng tàu, T. Bà Rịa - Vũng Tàu	Đầu tư bất động sản và xây dựng	44.64%	104,205,109,801	44.64%	104,205,109,801
Cộng				371,230,109,801		366,230,109,801

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn được xác định như sau:

- Đối với các khoản đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên kết là giá được xác định theo phương pháp giá trị tài sản thuần căn cứ vào Báo cáo tài chính của các công ty con, công ty liên kết.

Công ty không trích lập dự phòng đầu tư vào các công ty liên kết do các công ty này đang trong giai đoạn đầu tư, chưa chính thức đi vào hoạt động kinh doanh/ hoặc các dự án của các công ty liên kết đang trong giai đoạn xây dựng, chưa hoàn thành.

- Đối với các khoản đầu tư mua cổ phiếu, mua trái phiếu không có đủ thông tin trên thị trường, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này là giá trị ghi sổ của khoản đầu tư tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

11. Phải trả cho người bán ngắn hạn

	Số dư 31/03/2016		Số dư 01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty CP VLXD Thế Giới Nhà	7,293,422,997	7,293,422,997	7,293,422,997	7,293,422,997
Công ty Thiết Kế & Xây Dựng Trung Nam	7,236,111,250	7,236,111,250	-	-
Công ty TNHH Bê Tông Phan Vũ Quảng Bình	11,799,022,400	11,799,022,400	-	-
Công ty TNHH MTV SX XD TM Huy Khánh Nhật	2,668,123,953	2,668,123,953	-	-
Công ty TNHH Cơ Khí Xây Dựng Đạt Tiến Phát	-	-	409,233,423	409,233,423
Công ty CP Delta Miền Trung	7,196,093,266	7,196,093,266	8,684,376,616	8,684,376,616
Công ty TNHH Công Nghệ Vĩnh Thanh	1,500,000,001	1,500,000,001	-	-
Công ty TNHH Đầu tư Và Phát Triển Mỹ Văn	4,016,274,240	4,016,274,240	-	-
Công ty TNHH Kỹ Thuật Toàn Tâm	7,749,500,000	7,749,500,000	7,749,500,000	7,749,500,000
Công ty TNHH TM DV Phú Thanh Long	3,846,878,499	3,846,878,499	4,846,878,499	4,846,878,499
Công ty CP Kỹ Thuật TM DV Kỹ Nghệ Việt	9,041,570,169	9,041,570,169	4,000,000,000	4,000,000,000

Công ty CP Công Nghệ Sao Bắc Đẩu	10,199,859,612	10,199,859,612	10,199,859,612	10,199,859,612
Công ty CP Cơ Điện Lạnh Star	1,445,548,854	1,445,548,854	3,445,548,854	3,445,548,854
Công ty CP ĐT XD TM Đại Việt	2,093,539,396	2,093,539,396	-	-
Khách hàng khác	13,652,857,117	13,652,857,117	26,442,852,652	26,442,852,652
Cộng	89,738,801,754	89,738,801,754	73,071,672,653	73,071,672,653

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số dư 31/03/2016	Số dư 01/01/2016
Công ty CP Bệnh Viện Đa Khoa Đồng Nai (*)	-	-
Công ty CP Hằng Hà (*)	55,797,992,076	36,099,703,476
Công ty CP Bệnh Viện Đa Khoa Bình Định (*)	32,133,849,908	38,791,240,790
Công ty CP Du Lịch & Đầu tư XD Châu Á (*)	12,544,775,931	3,679,618,433
Lê Thị Kim Dung	2,620,000,000	2,620,000,000
Công ty TNHH XD ĐT & TM Thống Nhất	108,000,000	-
Phí QLHC, lưu trữ hồ sơ, bảo vệ, bảo dưỡng, giám sát	722,610,000	788,830,000
Cộng	103,927,227,915	81,979,392,699
Người mua trả tiền trước ngắn hạn là các bên liên quan (*)	100,476,617,915	78,570,562,699

13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Số dư 01/01/2016	Số phải nộp	Số đã nộp	Số dư 31/03/2016
1 Thuế GTGT dịch vụ cung cấp trong nước	8,081,183,229	1,289,071,311	5,000,000,000	4,370,254,540
2 Thuế thu nhập doanh nghiệp	13,468,885,395	770,582,560	-	14,239,467,955
3 Thuế thu nhập cá nhân	1,013,342,623	165,847,000	-	1,179,189,623
4 Thuế nhà đất	16,027,266	-	-	16,027,266
5 Các loại thuế khác	19,357,846,631	729,364,465	3,000,000	20,084,211,096
<i>Thuế môn bài</i>	-	3,000,000	3,000,000	-
<i>Phải nộp tiền lãi phạt chậm nộp</i>	19,357,846,631	726,364,465	-	20,084,211,096
Cộng	42,127,245,144	2,954,865,336	5,003,000,000	39,889,150,480

• Thuế giá trị gia tăng

Công ty áp dụng Luật thuế giá trị gia tăng hiện hành.
 Phương pháp tính thuế : Phương pháp khấu trừ
 Thuế suất áp dụng : 10%

• Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem thuyết minh số VI.8

• Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp các loại thuế theo quy định hiện hành.

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số dư 31/03/2016	Số dư 01/01/2016
Chi phí lãi vay, lãi trái phiếu phải trả	17,380,650,272	21,417,767,811
Chi phí công trình phải trả	18,654,794,397	17,602,892,574
Chi phí phải trả khác	252,000,000	252,000,000
Cộng	36,287,444,669	39,272,660,385

15. Phải trả khác

	Số dư 31/03/2016	Số dư 01/01/2016
a). Phải trả ngắn hạn khác	122,097,490,276	117,623,350,786
Kinh phí công đoàn	535,198,569	554,191,569
Các khoản bảo hiểm phải nộp	5,492,172,366	5,119,886,166
Phải trả cổ tức	3,613,835,194	3,613,835,194
Công ty CP ĐT&SX Cotec Sài Gòn (*)	2,634,036,054	2,648,557,882
Công ty CP Du Lịch & Đầu Tư XD Châu Á (*)	249,724,001	249,724,001
Công ty CP Kỹ Thuật Anpha (*)	-	630,621,000
Công ty CP Đầu Tư & Phát Triển Mỹ Linh	6,462,000,000	6,462,000,000

Ông Đào Đức Cường (*)	14,525,550,000	14,125,550,000
Ông Đào Đức Nghĩa (*)	61,937,634,747	54,777,634,747
Ông Nguyễn Thế Thanh (*)	-	60,107,000
Ông Đỗ Đăng Nguyễn (*)	-	2,338,020
Ông Dương Quốc Trọng	1,400,000,000	3,400,000,000
Ông Lê Xuân Tình	5,000,000,000	5,000,000,000
Ông Bùi Trung Dũng	12,000,000,000	12,000,000,000
Nguyễn Quốc Huy	3,000,000,000	3,000,000,000
Nguyễn Văn Thành	1,104,750,000	1,104,750,000
Các khoản phải trả khác	4,142,589,345	4,874,155,207
b). Phải trả dài hạn khác	56,890,991,750	50,154,700,333
Công ty CP KTXD & VLXD Cotec (**)	9,238,983,167	2,502,691,750
Công ty CP Đầu Tư & SX Cotec Sài Gòn (**)	37,488,300,000	37,488,300,000
Phải trả khác Dự án khu dân cư Phú Xuân	10,163,708,583	10,163,708,583
Cộng	178,988,482,026	167,778,051,119
(*) Phải trả ngắn hạn khác là các bên liên quan	79,346,944,802	72,494,532,650
(*) Phải trả dài hạn khác là các bên liên quan	46,727,283,167	39,990,991,750

16. Vay và nợ thuê tài chính

	Số dư 01/01/2016	Vay trong kỳ	Thanh toán trong kỳ	Số dư 31/03/2016
a). Vay ngắn hạn	127,219,053,456	26,432,374,092	84,948,048,930	68,703,378,618
Ngân hàng BIDV-SG	81,235,990,352		58,489,876,145	22,746,114,207
Ngân hàng BIDV-Thành Đô	45,983,063,104	26,432,374,092	26,458,172,785	45,957,264,411
b). Vay dài hạn	140,769,904,953	-	2,500,000,000	140,479,754,449
<i>Ngân hàng</i>	<i>83,363,703,460</i>	<i>-</i>	<i>2,500,000,000</i>	<i>80,863,703,460</i>
Ngân hàng BIDV – CN 3/2	83,363,703,460		2,500,000,000	80,863,703,460
<i>Vay dài hạn công ty</i>	<i>59,616,050,989</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>59,616,050,989</i>
Công ty CP ĐT & PT Nhà đất Cotec Miền Bắc	3,820,000,000			3,820,000,000
Công ty CP Đầu tư Cotec Health care	55,796,050,989			55,796,050,989
Cộng	267,988,958,409	26,432,374,092	87,448,048,930	209,183,133,067

Chi tiết các khoản vay của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 3 năm 2016 như sau:

(i) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 1640/2012 ngày 31 tháng 10 năm 2012 và các Văn bản sửa đổi, bổ sung có liên quan với hạn mức tín dụng là 250.000.000.000 VND cho mục đích xây dựng Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai và 90.000.000.000 VND cho mục đích bổ sung vốn lưu động. Thời hạn vay là 12 tháng kể từ thời điểm rút vốn, Khoản vay này chịu lãi suất theo từng lần nhận nợ tại thời điểm rút vốn.

(ii) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thành Đô theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 151/2015/351948 /HĐTD ngày 16 tháng 6 năm 2015 với hạn mức tín dụng là 147.000.000.000 VND cho mục đích bổ sung vốn lưu động để thi công xây dựng Bệnh viện Phụ sản Quốc tế Đức Giang. Thời hạn vay là 9 tháng kể từ thời điểm rút vốn, Khoản vay này chịu lãi suất theo từng lần nhận nợ tại thời điểm rút vốn.

(iii) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn được chuyển sang nợ dài hạn căn cứ lịch trả nợ thỏa thuận theo Văn bản sửa đổi, bổ sung số 3228/2014/HĐ ngày 9 tháng 5 năm 2014 về việc sửa đổi bổ sung cho Hợp đồng tín dụng số 1640/2012/HĐ ngày 31 tháng 10 năm 2012 và các văn bản sửa đổi, bổ sung khác.

(iv) Khoản vay dài hạn Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nhà đất Cotec Miền Bắc theo Hợp đồng số 02.HĐTV ngày 19 tháng 10 năm 2010 và Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐTV ngày 25 tháng 11 năm 2011 với hạn mức tín dụng là 4.000.000.000 VND, thời hạn vay là 60 tháng nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động, lãi suất vay 0%/năm.

(v) Khoản vay dài hạn Công ty Cổ Phần Đầu tư Cotec Healthcare theo Hợp đồng số 05/HĐVT-CHH ngày 28 tháng 10 năm 2014 với hạn mức vay là 120.000.000.000 VND, thời hạn vay 3 năm, lãi suất 0%/năm.

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số dư 31/03/2016	Số dư 01/01/2016
Quỹ khen thưởng	953,264,957	953,264,957
Quỹ phúc lợi	2,256,670,819	2,256,670,819
Cộng	3,209,935,776	3,209,935,776

18. Vốn chủ sở hữu

Tình hình biến động vốn chủ sở hữu trong kỳ và năm trước

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư 01/01/2014	211,500,000,000	(1,602,720,582)	7,170,153,849	39,037,380,105	256,104,813,372
Vốn tăng trong năm trước	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	-
Lợi nhuận năm 2015	-	-	-	10,578,876,306	10,578,876,306
Số dư 31/12/2015	211,500,000,000	(1,602,720,582)	7,170,153,849	49,616,256,411	266,683,689,678
Số dư 01/01/2016	211,500,000,000	(1,602,720,582)	7,170,153,849	49,616,256,411	266,683,689,678
Vốn tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	-
Lãi trong kỳ	-	-	-	3,082,330,242	3,082,330,242
Số dư 31/03/2016	211,500,000,000	(1,602,720,582)	7,170,153,849	52,698,586,653	269,766,019,920

II. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

I. Doanh thu	Số dư 31/03/2016	Số dư 31/03/2015
Doanh thu xây dựng Blue Sapphire Rerort	16,746,837,132	-
Doanh thu xây dựng công trình BVĐN	27,736,713,432	54,828,181,455
Doanh thu xây dựng công trình BVĐG	15,919,976,364	8,139,665,455
Doanh thu xây dựng công trình BVBD	31,409,194,983	-
Doanh thu thuê văn phòng	1,147,191,637	1,167,237,033
Doanh thu cung cấp dịch vụ	85,527,273	1,451,779,429
Doanh thu thuần	93,045,440,821	65,586,863,372
2. Giá vốn hàng bán		
Giá vốn văn phòng cho thuê	323,478,260	-
Giá vốn hàng bán - Công trình BVĐN	25,240,409,223	46,603,954,237
Doanh thu xây dựng - công trình Blue Sapphire Rerort	14,943,412,384	-
Doanh thu xây dựng - công trình BVĐG	13,531,979,909	6,104,749,091
Doanh thu xây dựng - công trình BVBD	26,697,815,736	209,443,934
Cộng	80,737,095,512	52,918,147,262
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi NH	63,024,752	33,858,620
Lãi tiền cho Cotec Anpha vay	-	861,156,556
Cộng	63,024,752	895,015,176
4. Chi phí tài chính	Số dư 31/03/2016	Số dư 31/03/2015
Chi phí lãi vay NH Việt Á	-	2,780,021,250
Chi phí lãi vay NH BIDV	4,306,888,707	-
Chi phí lãi vay trái phiếu cam kết, trái phiếu	-	2,700,000,000
Chi phí lãi vay CotecSG	1,004,478,172	-
Chi phí bảo lãnh	83,051,968	-
Chi phí lãi vay Cotec Asia	-	759,048,331
Cộng	5,394,418,847	6,239,069,581
5. Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên	-	272,478,000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	13,917,029
Chi phí bằng tiền khác	-	35,759,732
Cộng	-	322,154,761
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	1,730,209,091	1,835,682,491
Chi phí vật liệu quản lý	70,284,685	551,098,494
Chi phí đồ dùng văn phòng	58,797,307	32,005,359
Chi phí khấu hao TSCĐ, phân bổ	224,250,001	349,971,827
Thuế, phí, lệ phí	3,000,000	3,000,000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	190,214,227	118,895,544
Chi phí bằng tiền khác	120,918,636	288,220,986
Cộng	2,397,673,947	3,178,874,701
7. Thu nhập khác		
Thanh lý gián giáo	-	-
Thu nhập khác	-	-
Thu nhập khác	-	-
8. Chi phí khác		
Phạt chậm nộp thuế, vi phạm hành chính	726,364,465	1,259,260,338
Chi phí khác	726,364,465	1,259,260,338
9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp		



Tổng Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	3,852,912,802	-
Công: Các khoản điều chỉnh tăng		-
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm		-
Thu nhập chịu thuế	3,852,912,802	-
Thuế suất thuế áp dụng	20%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	770,582,560	-

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 22% trên thu nhập chịu thuế.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Chi phí nguyên liệu, vật liệu	39,544,234,461	15,347,723,929
Chi phí nhân công	1,217,274,476	3,153,511,369
Chi phí khấu hao tài sản cố định	180,365,523	180,365,523
Chi phí dịch vụ mua ngoài	44,106,431,277	18,751,259,018
Chi phí bằng tiền khác	60,557,546	627,964,925
Cộng	86,326,137,759	38,060,824,764

II. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

1. Các giao dịch không bằng tiền không ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên không được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng

	Số dư 31/03/2016	Số dư 01/01/2015
Lãi tiền cho vay, lãi chậm thanh toán phải thu	-	149,895,147,041
Chi phí lãi vay, lãi trái phiếu phải trả	=	52,068,919,731
Điều chỉnh cổ tức phải trả		319,167,000
Phải thu nhượng bán đầu tư vào công ty kiến kết		66,190,476,252

2. Các khoản giao dịch bằng tiền có ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng

Lãi cho vay phải thu cuối năm trước đã thu trong kỳ		123,454,850,361
Chi phí lãi vay phải trả cuối năm trước đã trả trong kỳ		53,268,125,330

III. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty CP Kỹ thuật Xây dựng và Vật liệu Xây dựng	Công ty mẹ
Đầu Tư Công ty CP Tư Vấn & Đầu Tư Cotec (CIC)	Công ty con
Công ty CP Đầu tư & Sản xuất Cotec Sài Gòn	Công ty con
Công ty CP Hằng Hà	Công ty liên kết
Công ty CP Đầu tư Cotec Healthcare	Công ty liên kết
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Nhà đất Cotec Miền Bắc	Công ty liên kết
Công ty CP Du Lịch Và Đầu Tư Châu Á	Công ty liên kết
Công ty KTXD Anpha	Cùng tập đoàn
Công ty TNHH Kim Huỳnh	Cùng tập đoàn
Công ty CP Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai	Cùng tập đoàn
Ông Đào Đức Nghĩa	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Thế Thanh	Phó Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám Đốc
Ông Đàm Quang trực	Thành viên HĐQT
Ông Trương Hoài Bửu Ánh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đào Đức Cương	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Hồng Vân	Phó Tổng Giám đốc

Trong kỳ, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan như sau:

	Số dư 31/03/2016	Số dư 31/03/2015
Công ty CP Kỹ thuật Xây dựng và Vật liệu Xây dựng		
Mua nguyên vật liệu xây dựng	1,500,000,000	-
Thanh toán hộ cho Cotec group	-	3,580,152,484
Lãi vay phải trả	-	130,000,000
Cho thuê văn phòng	-	400,132,656

Công ty CP Hằng Hà		
Chỉ tiền góp vốn	5,000,000,000	-
Phải thu tiền d/a BVDG	17,511,974,000	-
Phải thu tiền cho thuê VP	107,276,400	-
Thu tiền ứng trước thi công DA. BV Phụ Sản Đức Giang	37,317,539,000	8,953,632,001
CTY CP Tư Vấn Và Đầu Tư Cotec (CIC)		
Cho thuê văn phòng	97,524,000	146,286,000
Chi hộ	-	133,288,000
Thuế thiết kế	104,000,000	-
Công ty CP Đầu tư & Sản xuất Cotec Sài Gòn		
Thanh toán tiền mua nội thất, gạch, cửa nhôm	5,989,886,943	3,488,472,675
Phải trả tiền mua nội thất, gạch, cửa nhôm	2,805,159,000	4,146,883,084
Thanh toán hộ Cotec Sài Gòn	-	-
Cotec Land chi tiền cho Cotec Sài Gòn mượn	-	-
Lãi vay phải trả	1,004,478,172	-
Công ty CP Đầu tư Cotec Healthcare		
Thu tiền chi xuất tiền ban đầu cho d/a	-	1,284,690,496
Phải thu tiền cho thuê VP	136,092,000	237,600,000
Công ty CP Du Lịch Và Đầu Tư Châu Á		
Thu tiền thi công DA.	18,421,520,847	75,207,787,776
Thu tiền ứng trước thi công DA.	27,490,420,345	10,962,625,163
Phải thu lãi chậm thanh toán	-	123,829,587,061
Cho thuê VP	203,742,000	-
Cần trừ công nợ	-	-
Công ty CP KTXD Anpha		
Doanh thu cho thuê văn phòng	-	178,112,880
Phải thu lãi vay, lãi chậm thanh toán	-	-
Thanh toán hộ Cotec Anpha	1,030,000,000	869,893,256
Thu mượn tiền	350,000,000	-
Cho mượn tiền	190,000,000	-
Công ty CP Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai		
Tiền cho thuê VP	-	321,829,200
Phải thu tiền xd công trình BVĐN	30,510,384,775	60,310,999,600
Thu tiền xây dựng công trình BV Đồng Nai	35,293,869,373	50,682,612,000
Ông Đào Đức Nghĩa		
Trả tiền mượn	-	685,000,000
Thu tiền mượn	7,420,000,000	466,000,000
Ông Đào Đức Cường		
Thu hoàn tạm ứng	-	-
Thu tiền mượn	400,000,000	-

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2016, Công ty có số dư với các bên liên quan như sau:

	Số dư 31/03/2016	Số dư 31/03/2015
Công ty CP Kỹ thuật Xây dựng và Vật liệu Xây dựng		
Trả trước tiền mua nguyên vật liệu	22,714,159,248	20,414,159,248
Thu tiền cho thuê VP	700,265,312	646,656,404
Phải thu khác	65,490,210,940	58,414,159,750
Phải trả khác	941,784,250	-
Lãi vay phải trả	-	-
Công ty CP Hằng Hà		
Thu tiền ứng trước tiền thi công DA BV Đức Giang	55,797,992,076	44,126,135,599
Phải thu do chi hộ	2,884,741,360	2,864,741,360
CTY CP Tư Vấn Và Đầu Tư Cotec (CIC)		
Phải thu tiền ứng tư vấn thiết kế	134,837,000	56,837,000
Chi hộ	237,676,000	237,676,000
Phải thu tiền thuê văn phòng	1,071,526,000	585,144,000
Công ty CP Đầu tư & Sản xuất Cotec Sài Gòn		
Thi công xưởng gỗ	2,919,785,175	2,919,785,175
Phải trả tiền lãi vay	-	-
Phải thu khác	1,062,315,800	249,697,800

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ & PHÁT TRIỂN NHÀ ĐẤT COTEC

14 Nguyễn Trường Tộ, P.12, Q.4, Tp.Hồ Chí Minh

*Báo cáo tài chính**Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2016*

Ứng trước thi công nội thất	12,957,164,914	8,079,314,053
Phải trả khác	40,122,336,054	740,000,000
Công ty CP Đầu tư Cotec Healthcare		
Phải thu khác	2,345,941,496	1,636,029,451
Phải trả khác	-	72,305,086
Vay dài hạn	-	1,522,290,496
Công ty Cổ phần Du lịch & Đầu tư Châu Á		
Phải thu cho thuê VP	-	-
Phải thu do thi công D/A Blue Sapphire	12,544,775,931	22,362,625,163
Phải thu do chi hộ	-	-
Phải trả lãi chậm thanh toán	-	2,212,021,792
Phải thu khác	2,212,021,792	-
Công ty CP KTXD Anpha		
Phải thu do cho thuê văn phòng & thu khác	802,439,621	362,889,960
Thanh toán hộ	399,379,000	-
Ứng trước tiền xây dựng D/A	31,236,188,091	30,816,003,872
Phải thu khác	25,473,023,231	24,723,431,444
Công ty CP Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai		
Phải thu do cho thuê VP	-	-
Phải thu tiền thi công D/A	12,828,502,790	-
Phải trả do ứng tiền thi công	-	59,760,112,873
Ông Đào Đức Nghĩa		
Phải trả tiền mượn	62,197,634,747	6,176,041,413
Tạm ứng	150,000,000	-
Phải thu	1,444,880,000	1,444,880,000
Ông Đào Đức Cường		
Phải trả tiền mượn	14,525,550,000	-
Tạm ứng	2,517,391,856	-
Ông Nguyễn Thế Thanh		
Tạm ứng	1,595,774,716	-
Đ/c chỉ cổ tức cho cổ đông	-	-

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt Công ty trong kỳ như sau:

	<u>Số dư 31/03/2016</u>	<u>Số dư 31/03/2015</u>
Tiền lương, phụ cấp và thù lao	-	360,000,000
Cộng	-	360,000,000

2. Thông tin về bộ phận

Hoạt động kinh doanh của Công ty hiện nay tập trung ở lĩnh vực thi công xây dựng, chủ yếu là thi công xây dựng cho các dự án của Cotec Group thuộc lãnh thổ Việt Nam, các khu vực địa lý đó đều không khác biệt nhiều về mức độ rủi ro và lợi ích kinh tế do đó Báo cáo tài chính riêng này không trình bày thông tin bộ phận.

3. Công cụ tài chính**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các thành viên thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số V.17 trừ đi các khoản tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.3.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi số	
	Số dư 31/03/2016	Số dư 01/01/2016
Tài sản tài chính		
Tiền	37,236,212,690	86,786,253,737
Phải thu khách hàng	29,060,665,234	32,108,133,336
Phải thu ngắn hạn khác	128,336,329,647	110,002,660,020
Phải thu về cho vay dài hạn	-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	852,150,000	852,150,000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2,000,000	2,000,000
Cộng	195,487,357,571	229,751,197,093
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán ngắn hạn	89,738,801,754	73,071,672,653
Chi phí phải trả ngắn hạn	36,287,444,669	39,272,660,385
Phải trả ngắn hạn khác	122,097,490,276	162,103,973,384
Các khoản vay	68,703,378,618	267,988,958,409
Cộng	316,827,115,317	542,437,264,831

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường trong đó có Rủi ro ngoại tệ (rủi ro tỷ giá), Rủi ro lãi suất và rủi ro về giá, Rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro về giá, rủi ro ngoại tệ và rủi ro lãi suất.

Công ty đã thực hiện đánh giá một cách thận trọng các rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh và cho rằng Công ty không có rủi ro trọng yếu nào liên quan đến sự biến động của tỷ giá và sự thay đổi về giá của vật tư mua vào.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay ngắn hạn và dài hạn chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với khoản phải của thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, phải thu về các khoản cho vay, cho mượn và các đầu tư dài hạn khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu thanh toán theo tiến độ thực hiện hợp đồng và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập Báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng quá hạn, khó đòi.

Các hợp đồng thi công xây dựng quan trọng của Công ty đều thực hiện cho các đơn vị trong cùng Cotec Group và các công ty liên quan. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng không có rủi ro trọng yếu liên quan đến khoản phải thu khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho mượn tiền, cho vay và đầu tư dài hạn khác

Các khoản tiền cho mượn, cho vay và đầu tư dài hạn khác chủ yếu là các khoản hỗ trợ vốn/ hợp tác đầu tư cho các công ty con, công ty liên quan thực hiện đầu tư xây dựng các dự án, công trình. Theo đánh giá của Công ty, rủi ro tín dụng của các khoản phải thu, đầu tư này là không đáng kể.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Số dư 31/03/2016	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán ngắn hạn	89,738,801,754	-	-	89,738,801,754
Chi phí phải trả ngắn hạn	36,287,444,669	-	-	36,287,444,669
Phải trả ngắn hạn khác	122,097,490,276	-	-	122,097,490,276
Các khoản vay	68,703,378,618	-	-	68,703,378,618
Cộng	316,827,115,317	-	-	316,827,115,317

Số dư 31/03/2016	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
Tài sản tài chính				
Tiền	37,236,212,690	-	-	37,236,212,690
Phải thu khách hàng	29,060,665,234	-	-	29,060,665,234
Phải thu ngắn hạn khác	116,160,903,747	12,175,425,900	-	128,336,329,647
Phải thu về cho vay dài hạn	-	-	-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-	852,150,000	852,150,000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	2,000,000	2,000,000
Cộng	182,457,781,671	12,175,425,900	854,150,000	195,487,357,571

Chênh lệch thanh khoản thuần cuối quý 2 năm 201: (134,369,333,646) 12,175,425,900 854,150,000 (121,339,757,746)

Số dư 01/01/2016	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán ngắn hạn	73,071,672,653	-	-	73,071,672,653
Chi phí phải trả ngắn hạn	39,272,660,385	-	-	39,272,660,385
Phải trả ngắn hạn khác	111,949,273,051	50,154,700,333	-	162,103,973,384
Các khoản vay	127,219,053,456	140,769,904,953	-	267,988,958,409
Cộng	351,512,659,545	190,924,605,286	-	542,437,264,831

Số dư 01/01/2016	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
Tài sản tài chính				
Tiền	86,786,253,737	-	-	86,786,253,737
Phải thu khách hàng	32,108,133,336	-	-	32,108,133,336
Phải thu ngắn hạn khác	109,747,660,020	255,000,000	-	110,002,660,020
Phải thu về cho vay dài hạn	-	-	-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-	852,150,000	852,150,000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	2,000,000	2,000,000
Cộng	228,642,047,093	255,000,000	854,150,000	229,751,197,093

Chênh lệch thanh khoản thuần đầu năm 2016 (122,870,612,452) (190,669,605,286) 854,150,000 (312,686,067,738)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức cao do các công nợ tài chính cao hơn tài sản tài chính. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc tin rằng hoạt động kinh doanh của Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

4. Sự kiện phát sinh sau ngày 31 tháng 03 năm 2016

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 03 năm 2016 và các phải được điều chỉnh và thuyết minh theo quy định của Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 04 năm 2016

TRẦN THỊ HƯƠNG
Người lập biểu

LÊ BÁ TIÊN
Kế toán trưởng



NGUYỄN THẾ THANH
Tổng giám đốc